HOÀNG VĂN VẪN (Tổng Chủ biên) - TRẦN HƯƠNG QUỲNH (Chủ biên) PHAN HÀ - ĐỖ THỊ NGỌC HIỂN - ĐÀO NGỌC LẶC NGUYỄN MINH TUẨN - NGUYỄN QUỐC TUẨN





5

SÁCH HỌC SINH

TẬP HAI



HOÀNG VĂN VÂN (Tổng Chủ biên) – TRẨN HƯƠNG QUỲNH (Chủ biên) PHAN HÀ – ĐỖ THỊ NGỌC HIỂN – ĐÀO NGỌC LỘC NGUYỄN MINH TUẤN – NGUYỄN QUỐC TUẨN









LỜI NÓI ĐẦU

Tiếng Anh 5 – Global Success – Sách học sinh, tập hai được Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tổ chức biên soạn theo "Chương trình Giáo dục phổ thông: Chương trình môn Tiếng Anh" (từ lớp 3 đến lớp 12) ban hành theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, với sự hợp tác chặt chẽ về chuyên môn và kĩ thuật của Nhà xuất bản Macmillan (MPC). Sách được biên soạn theo đường hướng giao tiếp, giúp học sinh bước đầu hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh, thông qua bốn kĩ năng nghe, nói, đọc và viết, trong đó ưu tiên phát triển hai kĩ năng nghe và nói.

Tiếng Anh 5 – Global Success – Sách học sinh, tập hai xoay quanh hai chủ điểm giao tiếp gần gũi với học sinh: Me and My Family và Me and the World Around. Mỗi chủ điểm được chia thành năm đơn vị bài học (Unit) tương ứng với năm chủ để của chương trình. Sau năm đơn vị bài học là một bài ôn (Review) giúp học sinh ôn tập và củng cố các kĩ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) và kiến thức ngôn ngữ cơ bản (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp). Trong phần Review có bổ sung thêm các hoạt động mở rộng (Extension activities) với các nội dung tích hợp liên môn, giúp học sinh mở rộng kiến thức về các lĩnh vực khoa học, văn hoá ... thông qua các hoạt động học bằng tiếng Anh.

Tiếng Anh 5 – Global Success – Sách học sinh, tập hai được biên soạn dựa trên những cơ sở lí luận và thực tiễn của việc dạy và học tiếng Anh tiểu học ở Việt Nam, có tính đến tâm lí lứa tuổi và giao lưu quốc tế.

Các tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các nhà giáo, phụ huynh học sinh và đông đảo bạn đọc quan tâm để sách được hoàn thiện hơn.

Các tác giả



Book map

	ME AND MY FA	MILY		
Competences	Structures	Vocabulary	Rhythm	
Unit 11 Family time		Page 6		
 Asking and answering questions about whether someone did something in the past Asking and answering questions about activities someone did somewhere 	Did you? Yes, I I What did your family do in? We	buy souvenirs, collect seashells, eat seafood, see some interesting places, take a boat trip around the bay, walk on the beach	'When did you 'go to 'London? 'What did they 'do in 'Finland?	
Unit 12 Our Tet holida	У	Page 12		
 Asking and answering questions about whether someone will do something for Tet Asking and answering questions about where someone will go at Tet 	 Will you for Tet? Yes, I will. No, I won't. I'll Where will you go at Tet? I'll go to 	buy roses, buy a branch of peach blossoms, decorate the house, do the shopping, make banh chung, make spring rolls fireworks show, flower festival, New Year party	I'll 'do the 'shopping for 'Tet We'll 'decorate our 'house with 'flowers.	
Unit 13 Our special da	ys	Page 18		
 Asking and answering questions about what someone will do for special days Asking and answering questions about food and drinks at an event 	 What will you do? We'll What food / drinks will you have at the party? We'll have 	at Mid-Autumn Festival, on Children's Day, on Sports Day, on Teachers' Day apple juice, burgers, milk tea, pizza	'What 'food will you 'have at the 'party? 'What 'drinks will you 'have at the 'party?	
Unit 14 Staying healt	hy	Page 24		
Asking and answering questions about a family member's lifestyle Asking and answering questions about the frequency of an activity How does he / s stay healthy? He / She How often does she?		do morning exercise, do yoga, drink fresh juice, eat healthy food, eat vegetables, play sports every day, once a week, three times a week, twice a week		
Unit 15 Our health		Page 30		
Asking and answering questions about common health problems Giving health advice	What's the matter? I have You should	headache, sore throat, stomach ache, toothache drink warm water, go to the dentist, have a rest, take some medicine	'What's the 'matter? 'What should I 'do?	
Review 3		Page 36		

	MEANDTHEWO	RLDAROUND	
Competences	Structures	Vocabulary	Intonation
Unit 16 Seasons a	nd the weather	Page 40	
 Asking and answering questions about the weather in different seasons Asking and answering questions about what people wear in different seasons 	How's the weather in Ha Noi in? It's What do you usually wear in? I wear	autumn, spring, summer, winter cold, cool, hot, warm blouse, jeans, jumper, trousers	It's cloudy in autumn. I wear jeans in winter.
Unit 17 Stories for	children	Page 46	<u>.</u>
 Asking and answering questions about the main characters in a story Asking and answering questions about how a character did somethin in a story 	Who are the main characters in the story? They're How did he / she? He / She	ant, crow, dwarfs, fox, grasshopper, hare, Snow White, tortoise cook well, run fast, sing beautifully, work hard	Is this your storybook? Are you reading a story?
Unit 18 Means of t	ransport	Page 52	
 Asking and answering questions about where someone wants to visit Asking and answering questions about a means of transport 	0.00000000	Dragon Bridge, Ha Noi Opera House, Ho Chi Minh City Museum, Ngo Mon Square by bicycle, by bus, by taxi, on foot	Is it time for a trip? Is it far from here?
Unit 19 Places of Ir	terest	Page 58	
 Asking and answering questions about someone's opinion of a place Asking and answering questions about distance 	What do you think of? I think it's / they're How far is it from to? It's about kilometres.	beautiful, exciting, fantastic, peaceful (numbers: 29, 40, 100, 129)	What do you think of Ba Na Hills? How far is it from Long An to Can Tho?
Unit 20 Our summ	er holidays	Page 64	
 Asking and answering questions about someone's summer holiday Asking and answering questions about what someone is going to do this summer 	Where are you going to visit this summer? I'm going to visit What are you going to do this summer? I'm going to	Dam Sen Aquarium, Huong River, Phong Nha Cave, Phu Quoc Island go camping, join a music club, practise swimming, visit an eco-farm	Where are you going to visit this summer? What are you going to do this summer?
Review 4	-	Page 72	
Wordlist		Page 74	

Family time

LESSON 1

Look, listen and repeat. 📆







Listen, point and say. (2)

Did you



swim / with my mother



take photos / with my father

Yes, I



with my brother



Let's talk.

Did you









Listen and match. (3)

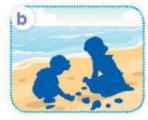
















Read and circle.

- A: Did you swim yesterday?
 - B: Yes, I did. I swim / swam with my father.
- 2. A: Did you walk / walked on the beach last Sunday?
 - B: Yes, I did. I walked on the beach with my family.
- 3. A: Look at Nga's family in Ha Long Bay.
 - B: It's a nice photo! When did / do they go there?
 - A: They go / went there last weekend.
- 4. A: Where were your family last summer?
 - B: We are / were at the Golden Pagoda in Thailand.
 - A: Did you buy / bought some postcards there?
 - B: No, we didn't. We took lots of photos.



Listen, complete and sing. (4)

Did you swim last Sunday?

Where were you last Sunday?

I was on the (1)

Did you swim?

Yes, I did. I swam with my mum.

Where were you last weekend?

I was in the (2) _____.

Did you walk?

No, I didn't. I (3) _____ photos there.

7





1 Look, listen and repeat. 🔝

That's a beautiful picture of your family.
Where were you?





2 Listen, point and say. 🚳

What did your family do in ?

We ___.



boat trip around the bay



interesting places







3 Let's talk.

When did you go to _____



What did your family do there?









4 Listen and circle.

- 1. A: Did you go to Phu Quoc last weekend?
 - B: Yes, I did. I went there with my family / friends.
 - A: What did your family do there?
 - B: We walked on the beach / took a boat trip.
- 2. A: Where did your family go last weekend?
 - B: We went to Sydney / Singapore.
 - A: What did you do there?
 - B: We bought some souvenirs / saw some interesting places.

5 Read and complete.

- 1. A: Where were your family yesterday?
 - B: We were in
 - A: What did you do there?
 - B: We _____ in the sea.
 - A: What else did you do?
 - B: We ate some ______.
- 2. A: When did Ben's family go to ______
 - B: They went there last weekend.
 - A: What did they do there?
 - B: His parents _____ some souvenirs.
 - A: What about Ben and his sister?
 - B: They took some _____



6 Let's play.

When and What game



1 Listen and repeat.

'When did you 'go to 'London?

What did they do in Finland?

- 2 Listen and underline one more stressed word. Then repeat.
 - 1. When did you go to Sydney?
 - 2. What did he do in Paris?
 - 3. When did she go to England?
 - 4. What did they do in Thailand?
- 3 Let's chant. 10

When did you go to London?
We went there last summer.
What did you do there?
We took photos and visited Big Ben.





When did you go to Nha Trang?
We went there last weekend.
What did you do there?
We walked on the beach and swam in the sea.

4 Read and answer.

Linda and her family went to Ha Long Bay last weekend. They stayed in a hotel near the beach. On Saturday, they sunbathed on the beach, took some photos of the bay and swam in the sea. On Sunday, they took a boat trip around the bay, explored the caves and ate seafood. Linda and her brother bought some souvenirs for their friends. The journey took a long time, but they had lots of fun. They want to go back to Ha Long Bay in the summer.

- 1. Where did Linda's family go last weekend?
- 2. What did they do there on Saturday?
- 3. When did they take a boat trip around the bay?
- 4. What did Linda and her brother buy?

5 Let's write.

My family's weekend trip Last weekend, my family went to ______. On Saturday, we visited ______. We took lots of _____. On Sunday, we ______. My brother / sister _____. and I ______. Our trip _____.

6 Project

My photo journal





Our Tet holiday

LESSON 1

1 Look, listen and repeat.





2 Listen, point and say. 📆

Will you _____ for Tet?

Yes, I will.

No, I won't. I'll _____.



decorate the house / yes



make banh chung / no / make spring rolls





buy roses / no / buy a branch of peach blossoms

3 Let's talk.

Will you _____ for Tet?











4 Listen and tick. (13)

1.







2.







5 Read and complete.



- 1. A: Will you _____ the house for Tet?
 - B: _____, I will.



- 3. A: Tet is coming. Will you _____ for Tet?
 - B: Yes, _____.



- 2. A: Will you make banh chung for Tet?
 - B: No, I won't. I'll .



- **4.** A: I like roses. _____ you buy roses for Tet?
 - B: No, I won't. I'll _____



Tet is a happy time for us.



Tet is a happy time for everybody.
Will you do the shopping?
Yes, we will. Yes, we will.
We'll do the shopping for Tet.

Tet is a happy time for everybody.
Will you make spring rolls?
Yes, we will. Yes, we will.
We'll make spring rolls for Tet.



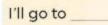
1 Look, listen and repeat.





2 Listen, point and say. 🚳

Where will you go at Tet?





my grandparents' house







3 Let's talk.

Will you ____ for Tet?



Where will you go at Tet?









4 Listen and number.









Bead and complete.



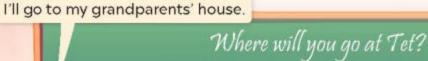
- 1. A: Do you like Tet?
 - B: Yes. I love it. I'll wear new clothes and eat delicious food.
 - A: _____ will you go?
 - B: I'll go to my _____ in the countryside.



- 2. A: When is Tet?
 - B: It's next month, in January.
 - A: Will you go to a flower festival?
 - B: No, I
 - A: _____ will you go?
 - B: I'll _____.

6 Let's play.

Board race



Group 1

- 9'll go to my grandparents' house.
- I'll go to a New Year party.
- I'll go to a fireworks show.

Group 2

- 9'll go to a flower festival.
- I'll go to the countryside.



1 Listen and repeat. 🔞

I'll do the shopping for Tet.

We'll decorate our house with flowers.

- 2 Listen and underline one more stressed word.

 Then repeat.
 - 1. He'll watch a fireworks show.
 - 2. She'll buy flowers for Tet.
 - 3. We'll eat spring rolls at Tet.
 - 4. They'll have a big party.
- 3 Let's chant. (100)

Tet is coming soon.

I'll clean the house.

Mum will buy roses.

Dad will plant trees.

Tet is coming soon.

We'll do the shopping.

We'll watch fireworks.

We'll have parties.



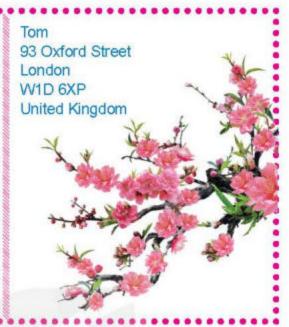
4 Read and complete.

Ha Long, January 16th

Hi Tom,

How are you? In Viet Nam, Tet is coming. It's a big festival in our country. We're all so excited! We'll have a lot of things to do. My dad will buy peach blossoms. My mum will make banh chung. My sister will make spring rolls. I'll decorate the house with beautiful pictures and flowers. At Tet, we'll go to a fireworks show. And we'll visit our grandparents in the countryside. We'll have a wonderful time.

Bye! Minh



1.	For Tet holiday, Minh	's father will buy
2.	Minh's mother will _	
3.	will	make spring rolls.
4.	Minh will	with beautiful pictures and flowers.
5.	Minh's family will visi	t in the countryside.

5 Look and write.

Write about your Tet holiday. (40 words)



Tet is coming soon. For Tet, _

.....

6 Project

Our Tet activities



Our special days

LESSON 1

Look, listen and repeat. 😭



Hello, David. Do you have Children's Day in your country?

Yes, we do. It's coming soon.



Listen, point and say. [22]

What will you do

We'll



on Children's Day / dance







have a party

Let's talk.

What will you do









4 Listen and tick or cross. 23 /









5 Read and complete.



- A: What will you do on Children's Day?
 - B: We'll



3. A: What will they do _____?
B: _____ play badminton.



2. A: What will we do on _____?

B: We'll dance.



- 4. A: _____ they do at Mid-Autumn Festival?
 - B: They'll _____.

6 Listen, complete and sing.

What will you do on Children's Day?

Will you dance on Children's Day? Yes, we will. Yes, we will.

What else will you do on that day? We'll play the piano and (1) Will they sing on (2) ____?
Yes, they will. Yes, they will.
What else will they do on that day?
They'll play the (3) ____ and dance.





Look, listen and repeat. (25)



Hi, Mai. Will you come to my birthday party next Sunday? a Yes, I will. Thanks! What drinks will you have at the party? We'll have fruit juice and milk tea. Shall I bring some fruits? Yes, please!

2) Listen, point and say. 🔯

What food / drinks will you have at the party?

We'll have





b





3 Let's talk.

What food / drinks will you have at the party?

What will you do at / after the party? Unit 13 - Our special days 20



4 Listen and tick. 😭 🖊













B Read and complete.

- 1. A: What food will we have for dinner?
 - B: We'll have chicken, rice and vegetables.
 - A: And what drinks _____ we have?
 - B: We'll have _____ and lemonade.
- 2. A: What food will we have at our class party?
 - B: We'll have fish and chips, _____
 - A: Will _____ have anything to drink?
 - B: Yes. We'll have







Our Children's Day party menu



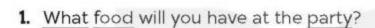
1) Listen and repeat. [28]

'What 'food will you 'have at the 'party?

'What 'drinks will you 'have at the 'party?

Listen and underline one more stressed word.

Then repeat. (29)



2. What drinks will they have at the party?

3. What will you do at her party?

4. What will we do at their party?

3 Let's chant. (30)

What food will we have at the party?

Cakes and sweets.

We'll have cakes.

We'll have sweets.

We'll have cakes and sweets.

What drinks will we have at the party?

Water and milk tea.

We'll have water.

We'll have milk tea.

We'll have water and milk tea.





4 Read and answer.

Dear Linda,

How are you? It's my birthday on Sunday. Will you come to my party? It'll be at my home at 15 Quang Trung Street. We'll have lots of food and drinks at the party. There'll be pizza, burgers and chips. We'll have lemonade, apple juice and milk tea, too. We'll play some games such as Bingo, Tic-tac-toe or Charades. We'll also listen to music and dance. It'll be so much fun! I hope you'll come.

- 1. When is Mai's birthday?
- 2. Where will her birthday party be?
- 3. What food will they have?
- 4. What drinks will they have?
- 5 Let's write. 🖊

Write about your birthday party. (40 words)

- When is your birthday?
- What food, drinks and fruits will you have at your birthday party?
- What will you do at the party?

My birthday is _____. At my birthday party, we'll _____

6 Project

Making a menu for your class party



Staying healthy

LESSON 1

Look, listen and repeat. 😘



I want to stay healthy, Lucy. I eat vegetables and drink a lot of water. Is that your brother over there?





Listen, point and say. (32)



How does he / she stay healthy?

He / She









Let's talk.

stay healthy? How does your









4 Listen and match, (33)

















B Read and complete.

- 1. A: How does your mother stay healthy?
 - B: She drinks fresh _____ every day.
- 2. A: How does your grandmother stay healthy?
 - B: I think she does _____ regularly.
- 3. A: How does your father stay healthy?
 - B: He _____ regularly. He plays _____ and basketball.
- 4. A: _____ your sister stay healthy?
 - B: She eats healthy _____every day.
 She eats fish, vegetables and fruit.









6 Listen, complete and sing.

Staying healthy

My sister wants to stay healthy.

She does (1) _____ daily.

She eats healthy food,

And drinks fresh juice.

My brother wants to stay healthy.

He plays (2) _____ every day.

He eats healthy (3) _____,

And drinks fresh juice.





1 Look, listen and repeat. 35





2 Listen, point and say. 🐯

How often does he / she ?







do yoga / once a week

play badminton / twice a week





drink orange juice / three times a week

eat vegetables / every day

3 Let's talk.

How does your ____ stay healthy?



How often does your



Mon.	Tue.	Wed.	Thur.	Fri.	Sat.	Sun
~					Sat	



Mon.	Tue.	Wed.	Thur.	Fri.	Sat.	Sur
		./		-/	1	./



1	1	./	./	./	Sat.	1
Mon.	Tue	Wed.	Thur.	Fri.	Sat	Sun



Mon.	Tue.	Wed.	Thur.	Fri.	Sat	Sur
------	------	------	-------	------	-----	-----



- What's Tony doing?
 - He's doing yoga.
- b. He's doing a project.
- 2. How does Tony stay healthy?
 - a. He eats fish and vegetables. b. He eats sausages and chips.
- 3. How often does Tony drink lemonade?
 - Every day.

- Twice a week.
- 4. How often does Tony play basketball?
 - a. Three times a week.
- b. Once a week.

Read and complete.

- 1. A: How does your brother stay healthy?
 - B: He drinks
 - A: How often does he drink it?
 - B: a week.



١	Mon.	
ı	Tue.	1
ı	Wed.	<u>_</u> ,
ı	Thur	1
ı	Fri.	
١	Sat.	
7	Sun.	1

- 2. A: My sister is a member of the aerobics club.
 - B: Oh, really? _____ does she do aerobics?
 - after class. A: Twice a
 - B: Does your sister eat healthy food?
 - A: Yes, she does. She eats fruit and regularly.









Frequency Game



1) Listen and repeat. 😘

Does she 'eat a 'lot of 'fruit?

Is your 'brother a 'strong 'swimmer?

- 2 Listen and underline one more stressed word.

 Then repeat.
 - 1. Does she swim once a week?
 - 2. Does he cycle twice a week?
 - 3. Did you have bread and milk?
 - 4. Will you eat fish and chips?
- 3 Let's chant. (40)

Does he play football once a week? Yes, he does. Yes, he does. Does he do judo twice a week? No, he doesn't. No, he doesn't.

Does she eat apples once a day?
Yes, she does. Yes, she does.
Does she eat mangoes twice a day?
No, she doesn't. No, she doesn't.





Peter's healthy lifestyle

Peter loves staying healthy. He eats healthy food every day. For breakfast, he usually eats an egg sandwich and some fresh fruit. For lunch and dinner, he likes fish and vegetables. Peter drinks lots of water and fresh juice. He really enjoys apple juice. He gets up early and never goes to bed late. He exercises every morning. He does judo on Tuesdays and Thursdays. He is very strong and active. Peter is a super healthy kid, and he sets a great example for all of us.

4	Datamasta	Landblase far	al liles fiels awal	
L.	reter eats	nealthy foc	d like fish and	

- a. vegetables b. ice cream
 - b. ice cream c. chips
- 2. Peter drinks _____ water and fresh juice.
 - a. some b. lots of c. little
- 3. He exercises
 - a. every week b. every Saturday c. every day
- 4. He does judo
 - a. once a weekb. twice a week
- c. three times a week

5 Let's write.

Complete the table and write about your healthy habits. (40 words)

My healthy habits	Frequency
eat vegetables	(1)
(2)	(3) a week
(4)	(5)

I have some healthy habits.

6 Project

My healthy lifestyle





Our health

LESSON 1

Look, listen and repeat.







Listen, point and say. (42)

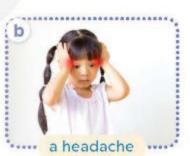


What's the matter?

I have



toothache







Let's talk.



4 Listen and number.









B Read and complete.



1. I feel tired. I have a



3. A: What's ____?

B: I have a



I'm not very well. I haveI can't eat anything.



4. A: What's the _____?

B: 1

A: I'm sorry to hear that.



What's the matter?

Let's go out and play.

I'm sorry. I can't.

Why? What's the matter?

I'm not very well.

I have a headache.

Let's play and sing.
I'm sorry. I can't.
Why? What's the matter?
I don't feel well.

I have a sore throat.



Look, listen and repeat.



You should go to the dentist, Nam. Go as soon as possible. OK, I will. Thanks for your advice.

Listen, point and say.

You should

Thanks for your advice.











Let's talk.

What's the matter?



You should









4 Listen and tick. 😭 🖊

1.







2.







5 Read and complete.

- 1. A: What's _____?
 - B: I have _____. I don't feel very well.
 - A: You should take and have a rest.
 - B: Yes, I will. Thank you, Mum.
- 2. A: I have _____ It hurts.
 - B: You should rinse your mouth with salt water, Mai.
 - A: OK, Mum.
 - B: And you _____.
 - A: That's a good idea. I'll go tomorrow.







Roleplay: What's the matter?



1 Listen and repeat. (188)

What's the matter?

What should I do?

- 2 Listen and underline one more stressed word.

 Then repeat.
 - 1. How are you feeling today?
 - 2. What time do you go to bed?
 - 3. When should I go to the dentist?
 - 4. What's wrong with your teeth?
- 3 Let's chant.

What's the matter?
I have toothache.
What should I do?
You should go to the dentist.





What's the matter?
I have a headache.
What should I do?
You should go to the doctor.

4 Read and match.

What should you do when you are not well?



When you have toothache, you should go to the dentist. You should brush your teeth regularly, and you should not eat ice cream very often.



When you have a headache, you should have a rest. You should take some medicine, and you should not watch too much TV.



When you have a sore throat, you should go to the doctor. You should rinse your mouth with salt water. You should drink warm water.

Health problems

- 1. Toothache
- 2. Headache
- 3. Sore throat

Advice

- a. should brush your teeth regularly
- b. should drink warm water
- c. should have a rest
- d. shouldn't eat ice cream very often
- e. shouldn't watch too much TV

5 Let's write.

Write about health problems and advice. (40 words)

- 1. Minh has a headache.
- 2. Linda has toothache.
- 3. Linh has a sore throat.

Minh has a headache. He should / shouldn't

6 Project

Health problems and giving advice

Peter has a headache.
He should

Health problems

Peter Headache
David ... He should have a rest.
Linh
Linh ... Lesson 3

Review 3

🚺 Listen and circle a, b or c. 🛐 🖊

- 1. a. We like milk tea.
 - It's our favourite drink.
 - c. We'll have milk tea.
- 2. a. We took a boat trip around the bay.
 - b. They swam in the sea.
 - c. We eat seafood.
- 3. a. Yes, I will.
 - b. Yes, I am.
 - c. Yes, Ido.
- 4. a. On Thursdays.
 - b. Two days ago.
 - c. Three times a week.
- 5. a. You're welcome.
 - b. Thanks for your advice.
 - c. See you later.

Ask and answer.









- 3 Read and match.
 - 1. Did you take photos?
 - 2. Will you decorate the house for Tet?
 - 3. How often does he eat vegetables?
 - 4. What's the matter with you?
 - 5. What food will you have at the party?

- a. I have a sore throat.
- b. We'll have pizza and chips.
- c. Yes, I will.
- d. Every day.
- e. Yes, I did. I took photos with my mother.

4 Read and tick True or False.

It is Children's Day next week. In Viet Nam, we celebrate it on the first of June. This year, we will have a party in the playground. There will be a lot of fun activities. Mai and Mary will sing songs. Ben and Linh will dance. Phong and Lucy will tell funny stories. There will be a lot of food and drinks such as pizza, salads, popcorn, apple juice and lemonade. At the end of the party, we will get presents from our parents. It will be a wonderful party.

- 1. The Children's Day party will be in the playground.
- 2. Mai and Mary will dance at the party.
- 3. Phong and Lucy will sing songs.
- 4. The children will eat pizza and salads.
- 5. The children will drink milk tea and apple juice.

True	False

-			1
5	Let's	write.	A

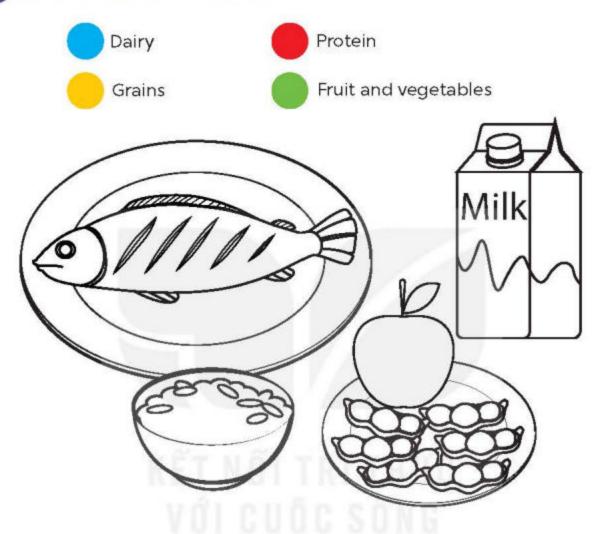
Write about your last Mid-Autumn Festival. (40 words)

- When was the festival?
- Where did you celebrate it?
- What did you do there?
- What food and drinks did you have?

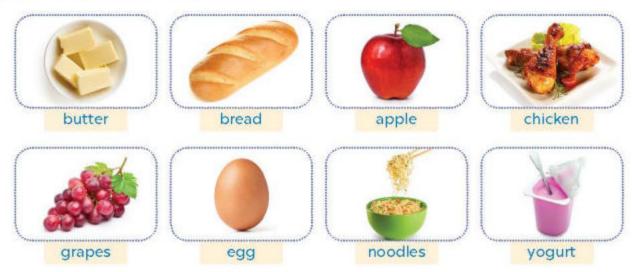
The la	ast	Mid-Autumn	Festival	was
--------	-----	------------	----------	-----

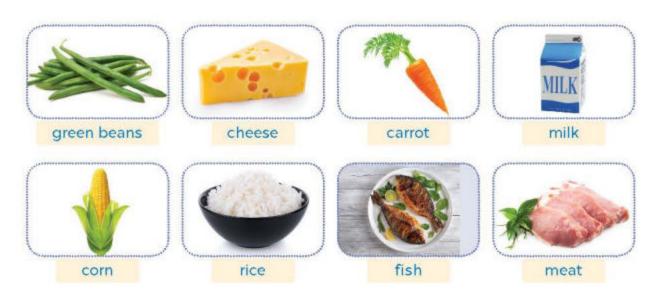
Extension activities

1 Look, read and colour.



2 Look and write.

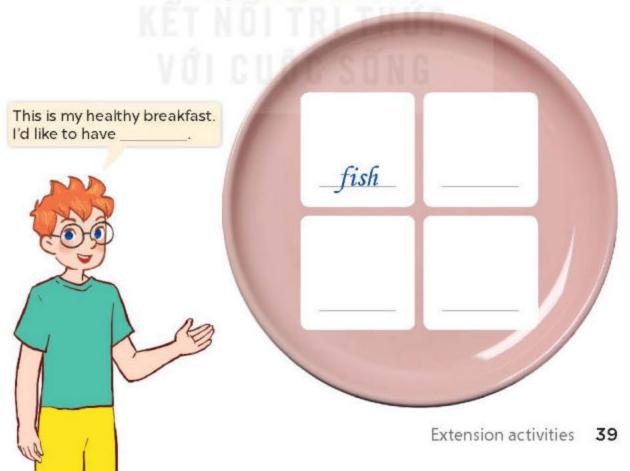




Grains	Protein	Dairy	Fruit & vegetables
		9//	

3 Write and say.

My healthy breakfast



Seasons and the weather

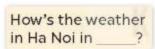
LESSON 1

Look, listen and repeat. 52





Listen, point and say. (53)



lt's









Let's talk.

How's the weather in Ha Noi in









4 Listen and number.









5 Read and complete.



- 1. A: How's the weather in _____ in spring?
 - B: It's warm and sunny.



3. A: _____ in New York in winter?

B: It's ____ and snowy.



- 2. A: ____ in Ho Chi Minh City in the dry season?
 - B: It's hot and sunny.



- **4.** A: How's the weather in Tokyo in ?
- B: It's cool and _____.

6 Let's sing.





How's the weather in Ha Noi?

How's the weather in spring?
It's warm and rainy.
How's the weather in summer?
It's hot and sunny.
What's the weather like in autumn?
It's cool and cloudy.
What's the weather like in winter?
It's cold and dry.





1 Look, listen and repeat.





2 Listen, point and say. [57]

What do you usually wear in ____?

I wear .



autumn / jeans





3 Let's talk.

How's the weather in Ha Noi in _____?

What do you usually wear in _____?









4 Listen and circle. 58 /

- A. What season is it in Sydney? It's _____.
 - a. autumn

- b. summer
- B. What does he usually wear? He wears _____.
 - a. shorts and a T-shirt
- b. jeans and a T-shirt
- 2. A. What season is it in Ha Noi? It's _____.
 - a. winter

- b. summer
- B. What does she usually wear? She wears _____.
 - a. a skirt and a jumper
- b. jeans and a jumper

5 Read and complete.



- 1. A: How's _____ in your place, Akiko?
 - B: It's cool and windy. It's autumn.
 - A: What do you usually wear in this season?
 - B: I wear _____ and a _____.



- 2. A: What season is it in London now, Tom?
 - B: It's _____. It's very cold and snowy.
 - A: What _____ in winter?
 - B: I wear _____ and a coat.

6 Let's play.

Who's faster?



1) Listen and repeat. (59)

It's cloudy in autumn.

I wear jeans in winter.

Listen and repeat. Pay attention to the intonation. 🐯



- 1. It's humid in spring.
- 2. Dresses are perfect for today.
- 3. I wear trousers in summer.
- 4. Jackets are good for winter.

Let's chant.

It's hot in summer.

I wear shorts.

You wear a dress.

And you wear a hat.

We like summer outfits.





It's cold in winter.

I wear a jumper.

You wear trousers.

We wear scarves outside.

We like winter clothes

4 Read and complete.

There are different climates in Viet Nam. In the north, there are four seasons: spring, summer, autumn and winter. Spring is warm and humid. It has blooming flowers and festivals. Summer is sunny and hot. It is ideal for holidays. Autumn is cool and cloudy. It usually has public events. Winter is cold and dry. It is ideal for indoor sports.

In the south, there are two seasons: the dry season and the rainy season. In the dry season, the weather is dry and cool, but in the rainy season, it is rainy and humid.

Viet Nam	Seasons	Weather
In the north	- spring - summer - autumn - winter	- warm and humid - (1) - (2) - (3)
In the south	- (4) - (5)	- dry and cool - rainy and humid

5 Let's write.

Write about your local weather and typical outfits for each season. (40 words)

- How many seasons are there where you live?
- How's the weather in each season?
- What do you usually wear in each season?

lt's	

6 Project

Posters about the seasons

My favourite season is _____. It's ____.

I usually wear ____.

Lesson 3

Stories for children

LESSON 1

Look, listen and repeat. 62



Hi, Mai. What are you reading? a I'm reading a fairy tale. That sounds interesting. Who are the main characters in the fairy tale?



Listen, point and say. [63]



Who are the main characters in the story?

They're



Snow White, seven dwarfs



the ant, the grasshopper



the tortoise, the hare



the fox, the crow

Let's talk.



4 Listen and circle. 🙀 🕺

 The main characters in the story are





2. Ben likes the



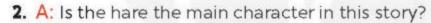


The main characters in the story are ______.





- 5 Read and complete.
 - 1. A: Look at this story. Who are the main characters?
 - B: They're _____ and seven dwarfs.



- B: No, he isn't. The main characters are the hare and the _____.
- **3.** A: Are the _____ and the grasshopper the main characters in this story?
 - B: Yes, they are.
 - A: Which _____ do you prefer?
 - B: I prefer the ant.
- 4. A: What story are you _____?
 - B: I'm reading The Fox and the Crow.
 - A: Do you like the _____ or the crow?
 - B: I like the fox.









47



Who am I?



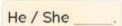
Look, listen and repeat. 🚳





Listen, point and say.

How did he / she



3 Let's talk.





work / work hard





Who are the main characters in the story?



Listen and circle. 67

- a. the grasshopper b. the ant c. the ant and the grasshopper
- 2. The ant worked
 - a. hard

b. well

- c. fast
- When winter came, the grasshopper had ____
 - a. lots of things
- b. some things
- c. nothing
- The grasshopper said: "I'll work hard like you ____."
 - a. next week
- b. next month
- c. next year

Read and complete.

- 1. A: Who are the main characters in the story?
 - B: They're the ant and the ___
 - A: ____ did the ant work?
 - B: He worked _____ to gather food for the winter.



- 2. A: How did the hare run?
 - B: He ran .
 - A: he win the race?
 - B: No, he didn't. He stopped and fell asleep. The tortoise won the race.



Listen, complete and sing.

The tortoise and the hare

The hare said to the tortoise

The (2) was near the finish line.

"Let's go, go, go!"

He stopped, stopped, stopped.

The hare ran (1)

The hare fell asleep.

But the tortoise was slow.

And the (3) won the race.





🚺 Listen and repeat. 🙀



Is this your storybook?



Are you reading a story?





- 1. Did the hare run fast?
- 2. Was the prince intelligent?
- 3. Did the ant work hard?
- 4. Do you like the story?

Let's chant. 71

Do you like Snow White? Yes, I do. Yes, I do. Do you like seven dwarfs? Yes, I do. Yes, I do. I like Snow White. I like seven dwarfs.



Do you like the ant? Yes, I do. Yes, I do. Do you like the grasshopper? No, I don't. No, I don't. I like the ant. I like the ant.



4 Read and tick True or False.

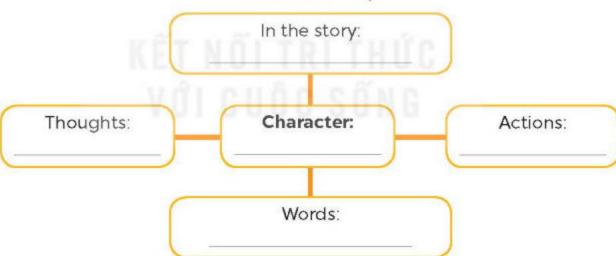
Once upon a time, there was a crow and a fox. They lived in a big forest. The fox liked to trick other animals. One day, the crow had a piece of meat in his mouth. The fox saw the crow, and he wanted to have the meat. He had an idea. "You look amazing. Can you sing?" the fox asked. "Yes, I can sing beautifully," the crow answered. He began to sing a beautiful song and dropped the meat on the ground. The fox quickly took the meat and said, "Bye, my friend." Then he ran away. The crow learned a lesson about trust.

- 1. The fox and the crow lived in a forest.
- 2. The fox had a piece of meat in his mouth.
- 3. The crow could sing very well.
- 4. The crow flew away with the meat.
- 5. The fox said goodbye to the crow and ran away.

True	False



Character Map



6 Project

Telling a story



Means of transport

LESSON 1

Look, listen and repeat. (72)







Listen, point and say. 📆



Where do you want to visit?

I want to visit

Let's talk.



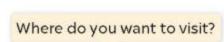
Ha Noi Opera House













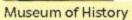






Listen and number. 74







Ha Noi Opera House



Ngo Mon Square



Golden Bridge

Read and complete.



- 1. A: There are many interesting places in Ho Chi Minh City. Where do you want to _
 - B: I want to visit today.



- 3. A: Where do you
 - B: I want
 - A: Good choice!



- A: Welcome to London. Where you want to visit?
 - Tower Bridge.



- do you want to visit?
 - the city square. Is it far from here?
 - A: No, it isn't. We can walk there.



1920

Where do you want to visit?

I want to visit somewhere. Where do you want to visit? I want to visit the museum. That's a great idea! Let's go! I want to visit somewhere. Where do you want to visit? I want to visit the square. That's a great idea! Let's go!

1 Look, listen and repeat. 76





2 Listen, point and say.

How can I get to ?

You can get there____.



Hoan Kiem Lake / by bus



Dragon Bridge / by bicycle



Dam Sen Water Park / by taxi



Thien Mu Pagoda / on foot



How can I get to _

54 Unit 18 - Means of transport

Where do you want to visit?

4 Listen and tick or cross. 🔞 🖊

1.



5 Read and complete.

- 1. A: Where do you want to visit?
 - B: I want to visit Hyde Park.
 ____ can I get there?
 - A: You can get there _____ It's not far from here.
 - B: Thank you so much.
- - B: You can get there _____.
 It's very interesting.
 - A: Thank you.





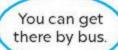
6 Let's play.

I want to visit



Tic-Tac-Toe

pagoda	bicycle	aquarium
taxi	island	bus
museum	foot	bridge





1) Listen and repeat. (79)

Is it time for a trip?

Is it far from here?

🛂 Listen and repeat. Pay attention to the intonation. 🐻

- 1. Would you like to go somewhere this morning?
- 2. Will we go to Golden Bridge?
- 3. Can I get there by bicycle?
- 4. Do you want to visit Hyde Park?

Let's chant.

Will you visit the aquarium? Yes, I will. Yes, I will. Can you get there by boat? Yes, I can. Yes, I can. I can get there by boat.



Do you want to visit the water park? Yes, I do. Yes, I do. Can you get there by bicycle? No, I can't. No, I can't.

I can get there by bus.



4 Read and answer.

Hi Linh,

Welcome to Sydney! Tomorrow, we can take a hop-on hop-off bus to explore the city centre in a day. Firstly, we will see Sydney Harbour Bridge and Sydney Opera House. Next, we can go to Sea Life Sydney Aquarium by train. Also, we can get to Circular Quay on foot from my house and then go to Taronga Zoo by ferry. It is home to over 4,000 animals. Then, we can go back to Circular Quay to watch a beautiful sunset.

See you soon,

Mary

- 1. What sights will they see by a hop-on hop-off bus?
- 2. How can they get to Sea Life Sydney Aquarium?
- 3. How can they get to Circular Quay?
- 4. How many animals are there in Taronga Zoo?

5 Let's write.

Write about a morning visit. (40 words)



Today is Sunday. We want to visit

. We will get there by

6 Project

Means of transport

You can visit You can get there by

Lesson 3 57

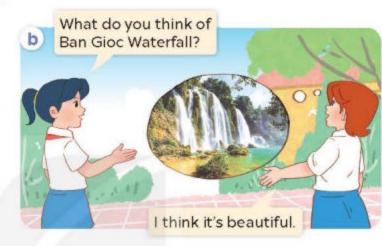
Places of interest

LESSON 1

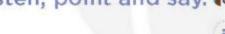
Look, listen and repeat. 82







Listen, point and say. (83)



What do you think of

I think it's / they're



Ban Gioc Waterfall / peaceful



the Sydney Opera House / beautiful





the Petronas Twin Towers / fantastic

Let's talk.

What do you think of

I think









58 Unit 19 - Places of interest

4) Listen and circle.



- a. peaceful
- b. exciting



- a. fantastic
- b. peaceful



- a. fantastic
- b. exciting



- a. peaceful
- b. beautiful

B Read and complete.



- **1.** A: _____ do you think of Ba Be Lake?
 - B: _____ it's fantastic.



- 3. A: Do you think Mui Ne Beach beautiful?
 - B: Yes, I do. I think it's _____ and exciting.



- 2. A: I want to visit Huong Pagoda.
 - B: What do you think of ____?
 - A: I think _____ beautiful and peaceful.



- **4.** A: _____ the Sydney Opera House is beautiful?
 - B: Yes, I do. I think ______



What do you think of ...?

What do you think of Ba Na Hills? I think it's fantastic.

I think it's exciting.

Ba Na Hills is fantastic and exciting.

What do you think of Dau Go Cave?

I think it's peaceful.

I think it's beautiful.

Dau Go Cave is peaceful and beautiful.

1 Look, listen and repeat.





2 Listen, point and say.

How far is it from to ?

It's about __ kilometres.



Can Tho - Vinh Long / 40



Hue - Da Nang / 100



Da Nang - Hoi An / 29



Hue - Hoi An / 129

3 Let's talk.

What do you think of ____?







- 1. Vung Tau Beach is (1)
 - a. beautiful
- b. exciting

It's about (2) ____ kilometres from Ho Chi Minh City.

a. 96

- b. 69
- 2. Ba Vi National Park is (1) ____ and peaceful.
 - a. beautiful
- b. fantastic

It's about (2) ____ kilometres from the centre of Ha Noi.

a. 60

b. 63

5 Read and complete.

- 1. A: We're going to West Lake this weekend. Do you want to come with us?
 - B: Yes, please! _____ is it from here?
 - A: It's about _____

- West Lake

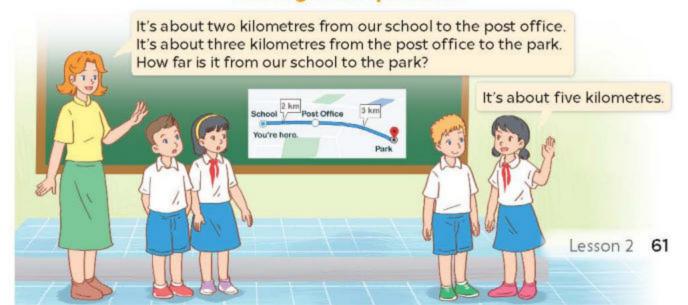
 3 km

 You're here.
- 2. A: What do you think of Hyde Park?
 - B: _____ it's exciting.
 - A: How far _____ from Central London?
 - B: It's about _____.
 - A: OK. Thank you.



6 Let's play.

Solving maths problems



Listen and repeat. [89]

What do you think of Ba Na Hills?

How far is it from Long An to Can Tho?

- 🛂 Listen and repeat. Pay attention to the intonation. 🚳
 - 1. What do you think of Hoan Kiem Lake?
 - 2. What do you think of London?
 - 3. How far is it from Hue to Da Nang?
 - 4. How far is it from London to Manchester?
- 3) Let's chant.

What do you think of Da Lat? It's pretty and peaceful. How far is it from here? It's not far. It's near.



What do you think of Ha Long? It's pretty and exciting. How far is it from here? It's not near. It's far.



4 Read and complete.

Sentosa Island is a famous place in Singapore. It's not very far from Viet Nam, but you need to travel by plane. There are many interesting things to see and do there. You can visit Universal Studios Singapore, play at Adventure Cove Waterpark and build sandcastles on Palawan Beach. You can also enjoy a show with music and lights at Wings of Time in the evening. You can eat many different Singaporean foods. You can stay at a beautiful hotel by the sea. Sentosa Island is a fantastic place to visit in summer. Why not plan a trip with your family?

5 Let's write. 🖊

Write about your dream holiday. (40 words)

- Which place do you want to visit?
- Where is it?
- How far is it from your home town?
- How can you get there?
- What is it like?
- What can you do there?

l want to visit ______for a holiday. It is in _____

6 Project

Places of interest



Our summer holidays

LESSON 1

Look, listen and repeat.

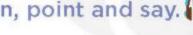






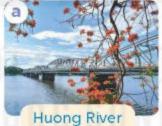
I'm going to visit My Khe Beach in Da Nang City.

Listen, point and say. [15]



Where are you going to visit this summer?

I'm going to visit





Phu Quoc Island







Dam Sen Aquarium

Where are you going to visit this summer?



Let's talk.







4 Listen and number.









B Read and complete.



- 1. A: Have you got a plan for the summer holidays? Where are you going to visit?
 - B: I'm going to _____.



- 3. A: What's your plan for the summer holidays?
 Where visit?
 - B: I'm going to _____



- 2. A: Where are you _____ visit this summer?
 - B: I'm going to
 - A: I hope you have a great time.



- 4. A: Where this summer?
 - B: I'm
 - A: Have a good time!

6 Listen, complete and sing.

Where are you going to visit this summer?

Summer's almost here!

Where are you going to visit?

I'm going to visit a forest and a (1)_____.

I'm going to learn about trees and draw some pictures.

Summer's almost here!

Where are you going to visit?

I'm going to visit an (2) _____ and a waterfall.

I'm going to learn about (3) _____ and take some photos.



Look, listen and repeat.





That sounds fantastic!

Listen, point and say. [97]

What are you going to do this summer?

I'm going to



join a music club



go camping



visit an eco-farm



practise swimming

3 Let's talk.

Where are you going to visit this summer?



What are you going to do this summer?











4 Listen and circle.

1. Where is Nam going to visit this summer?







2. What is Bill going to do this summer?







MUSIC CLUB

5 Read and complete.

1. A: What are you going to do this summer?

B: I'm going to join _____.

A: That sounds fun! What are you going to learn to play?

B: I'm going to learn to play the _____

2. A: _____ are you going to visit this summer?

B: I'm going to visit an _____

A: What are you ____?

B: I'm going to grow vegetables there.



6 Let's play.

Who has more correct answers?



Listen and repeat. 🙀

Where are you going to visit this summer?

What are you going to do this summer?



- 1. What nationality is she?
- 2. Where did you go last summer?
- 3. Why didn't you go to school?
- 4. How can I get to the supermarket?

3) Let's chant.

Where are you going this summer? I'm going to the forest. Where are you going this summer? I'm going to the mountains.

What are you going to do this summer? I'm going to visit a farm.

What are you going to do this summer? I'm going to join a guitar club.



4 Read and tick True or False.

Last summer, I went to an eco-farm. I had a great time there.

This summer, we are going to visit Da Lat and Nha Trang.

We are going to Cam Ly Waterfall in Da Lat and visit the aquarium in Nha Trang. We are excited to explore the local food there.

When we get home, I am going to join a music club. I am going to take some guitar lessons. In my free time, I am going to learn a new language with my friends. We like learning foreign languages.

- 1. Linh went to an eco-farm last summer.
- 2. She is going to visit some caves this summer.
- 3. She is going to join a music club.
- She is going to play badminton with her friends in her free time.

True	False



Write about your summer. (40 words)



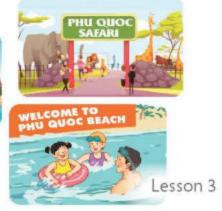
Su	mn	ner	is c	oming. We are going to vi	sit
T	T	R	П	THƯC	
	A	n	100	ñ u r	
1.1	Ų	U	O	UND	

6 Project

Our summer holiday posters

I'm going to visit Phu Quoc Island for my holiday.





Review 4

🚺 Listen and tick. 🙀 🖊

1. How's the weather in Hai Duong in summer?







2. Who are the main characters in the story?







3. Where does Tom want to visit?







4. How far is it?







5. Where is David going to visit this summer?







Ask and answer.

1. Where do you want to visit?

2. How can you get there?



Read and match.

- 1. What do you usually wear in autumn?
- 2. Who are the main characters in the story?
- 3. Where do you want to visit?
- 4. What do you think of Ha Long Bay?
- 5. What are you going to do this summer?

- a. I think it's fantastic.
- I want to visit Dragon Bridge.
- I'm going to practise swimming.
- I wear jeans and a T-shirt.
- e. They're Snow White and seven Dwarfs.

Read and tick.

This summer, Tom is going to visit Phu Quoc for a holiday. It is about three hundred and ninety kilometres from Ho Chi Minh City. He is going to get to the island by car and ferry. He is going to stay in a big hotel in the centre of Phu Quoc. He is going to visit Vinpearl Safari Park. It is an interesting zoo. He is going to take a cable car to Hon Thom Island. He is going to go shopping at the night market and buy some souvenirs. Tom thinks Phu Quoc is a fantastic place for a summer holiday.

- 1. How far is it from Ho Chi Minh City to Phu Quoc?
 - a. About 90 km.
- b. About 300 km.
- c. About 390 km.

- 2. Where is Tom going to stay?
 - Vinpearl Safari Park.
 Hon Thom Island.
- c. A big hotel.
- 3. How can he get to Hon Thom Island?
 - By plane.
- b. By car.
- c. By cable car.
- 4. Where is he going to buy some souvenirs?
 - At the night market.
- b. At Vinpearl Safari Park.
- c. On Hon Thom Island.
- 5. What does he think of Phu Quoc?
 - Peaceful.
- b. Fantastic.
- c. Exciting.

Let's write.

Write about your holiday. (40 words)

- Where are you going to visit on your holiday?
- How far away is it?
- How can you get there?
- What are you going to do there?
- What do you think of the place?

lamgoing to visit	

Extension activities

1 Do the quiz.

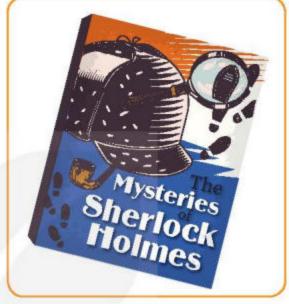
What type of story is it? - It's a(n) _____.

1.



- a. mystery story
- b. adventure story

2.



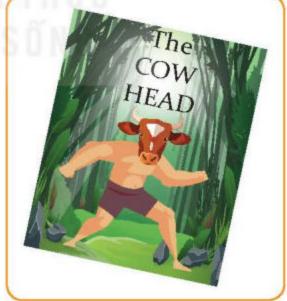
- a. adventure story
- b. mystery story

3.



- a. history story
- b. spooky story

4.



- a. spooky story
- b. history story

2 Read and complete.

adventure history mystery spooky









3) Write and say.

I like _____ stories because they are _____

My favourite _____story is ____

Wordlist

Abbreviations

adj adjective pre preposition adv adverb pro pronoun det determiner v verb

noun

almost (adv) /'ɔːlməʊst/ gắn, xấp xi ant (n) /ænt/ con kiến nuóc ép táo asleep (adj) /ə'sliɪp/ ngù as soon as /əz suɪn əz càng sóm càng tốt autumn (n) /'ɔɪtəm/ mùa thu bay (n) /beɪ/ vịnh beautifull (adj) /'bjuɪtɪfli/ dẹp beautifully (adv) /'bjuɪtɪfli/ tốt dẹp, dáng hài lòng blouse (n) /baʊz/ áo cánh boat (n) /bəʊt/ thuyền cây cầu bring (v) /brɪŋ/ mang lại bánh mì kẹp thịt bus (n) /baz / bo mua dổ luu niệm carrot (n) /'baɪ, suɪvə'nɪəz/ mang dọng character (n) /'kærəktə/ nhân vật cheese (n) /tʃɪz/ phó-mát (children's Day /'tʃɪldrənz deɪ/ ngày Thiếu nhi sul han (children's Day /'tsɪlfəlz/ khí hậu coat /kəʊt/ col (adj) /kəʊt/ mát cono (n) /kəɪn/ ngô crow (n) /kɪɪ/ ngô con quạ cono qua	about (pre)	/əˈbaʊt/	khoảng
ant (n) /ænt/ con kiến apple juice /ˈæpl dʒuɪs/ nuóc ép táo asleep (adj) /əˈsliɪp/ ngǔ as soon as /əz suɪn əz càng sóm càng tốt autumn (n) /ˈɔɪtəm/ mùa thu bay (n) /beɪ/ vịnh beautiful (adj) /ˈbjuɪtɪfl/ dẹp beautifully (adv) /ˈbjuɪtɪfli/ hài lòng blouse (n) /blauz/ áo cánh boat (n) /bəut/ thuyền bridge (n) /brɪdʒ/ cây cẩu bring (v) /brɪŋ/ mang lại burger (n) /ˈbaɪgə/ kep thịt bus (n) /bʌs/ xe buýt butter (n) /ˈbʌtə/ bo buy souvenirs /baɪ ˌsuɪvəˈnɪəz/ mua dổ luu niệm carrot (n) /ˈkærət/ cǔ cà rốt cave (n) /keɪv/ hang, dọng character (n) /ˈkærəktə/ nhân vật cheese (n) /tʃɪɪz/ phó-mát choice (n) /tʃɔɪs/ sự lựa chọn climate (n) /ˈklaɪmət/ khí hậu coat /kəut/ áo khoác, áo choàng cold (adj) /kəuld/ seashells con (n) /kɔɪn/ ngô			
aspele juice /ˈæpl dʒuɪs/ nuóc ép táo asleep (adj) /əˈsliɪp/ ngū as soon as /əz suɪn əz càng sóm càng tốt autumn (n) /ˈɔɪtəm/ mũa thu bay (n) /beɪ/ vịnh beautiful (adj) /ˈbjuɪtɪfli/ dép beautifully (adv) /ˈbjuɪtɪfli/ hài lòng blouse (n) /bəut/ thuyền cây cầu bring (v) /brɪŋ/ mang lại burger (n) /ˈbɜɪgə/ kep thịt bus (n) /bʌs/ xe buýt butter (n) /ˈbʌtə/ bo buy souvenirs /baɪ ˌsuɪvəˈnɪəz/ niệm carrot (n) /ˈkærət/ cù cà rốt cave (n) /tʃɪz/ phó-mát choice (n) /tʃɪz/ phó-mát choice (n) /ˈtʃɪs/ sự lựa chọn chiad (adj) /kəuld/ lạnh collect seashells /kɔɪn/ ngô			A STATE OF THE STA
asleep (adj) /ə'slip/ ngù as soon as /əz suɪn əz càng sóm càng tốt autumn (n) /'ɔɪtəm/ mùa thu bay (n) /beɪ/ vịnh dẹp tốt dẹp, dáng hài lòng blouse (n) /blauz/ áo cánh boat (n) /bəut/ thuyền cây cầu bring (v) /brɪŋ/ mang lại bánh mì kẹp thịt bus (n) /batə/ bouter (n) /'batə/ bouter (n) /'kærət/ cù cà rốt cave (n) /kerv/ hang, động character (n) /tsærəktə/ nhân vật choice (n) /tsur/ coat /kəut/ áo khoác, áo choàng cold (adj) /kəul/ corn (n) /kɔɪn/ ngô	A Contraction	NAME OF TAXABLE PARTY.	
as soon as possible 'ppsəbl/ càng tốt autumn (n) /'ɔɪtəm/ mùa thu bay (n) /beɪ/ yinh beautiful (adj) /'bjuɪtɪfli / dẹp tốt dẹp, dáng hài lòng blouse (n) /bəut/ thuyền cây cầu bring (v) /brɪŋ/ mang lại bánh mì kẹp thịt bus (n) /batə/ bo bo buy souvenirs /baɪ ˌsuɪvəˈnɪəz/ carot (n) /kærət/ cu cà rốt cave (n) /tʃiɪz/ phó-mát choice (n) /tʃɔɪs/ sự lựa chọn chimate (n) /ˈkaɪmət/ kɨbuh (n) /tkaɪmət/ kɨbuh (n) /thaɪmət/ kɨbuh (n) /thaɪmət (n) /thaɪmət (n) /thaɪmət (n)	All the second s		
autumn (n) /'ɔɪtəm/ mùa thu bay (n) /beɪ/ vịnh beautiful (adj) /'bjuɪtɪfl / dẹp beautifully (adv) /'bjuɪtɪfli / tốt dẹp, dáng hài lòng blouse (n) /blauz / áo cánh boat (n) /bəut / thuyền bridge (n) /brɪdʒ / cây cẩu bring (v) /brɪŋ / mang lại burger (n) /'bɜɪgə / bánh mì kẹp thịt bus (n) /bʌs / xe buýt butter (n) /'bʌtə / bo buy souvenirs /baɪ ˌsuɪvəˈnɪəz / niệm carrot (n) /'kærət / cù cà rốt cave (n) /keɪv / hang, dộng character (n) /'kærəktə / nhân vật cheese (n) /tʃiɪz / phó-mát Children's Day /'tʃɪldrənz deɪ / ngày Thiếu nhi choice (n) /tʃɔɪs / su lụa chọn climate (n) /'klaɪmət / khí hậu coat /kəut / áo khoác, áo choàng cold (adj) /kəuld / collect seashells /con (n) /kɔɪn / ngô			
bay (n) /bei/ vịnh beautiful (adj) /'bjurtrfl/ dẹp beautifully (adv) /'bjurtrfli/ tốt dẹp, dáng hài lòng blouse (n) /blauz/ áo cánh boat (n) /bəut/ thuyền bridge (n) /bridʒ/ cây cẩu bring (v) /brɪŋ/ mang lại burger (n) /'bɜɪgə/ bánh mì kẹp thịt bus (n) /bʌs/ xe buýt butter (n) /'bʌtə/ bo buy souvenirs /bar ˌsuɪvəˈnɪəz/ mua đổ luu niệm carrot (n) /'kærət/ cù cà rốt cave (n) /keɪv/ hang, động character (n) /'kærəktə/ nhân vật cheese (n) /tʃɪz/ phó-mát Children's Day /'tʃɪldrənz deɪ/ ngày Thiếu nhi choice (n) /tʃɔɪs/ sự lụa chọn climate (n) /'klaɪmət/ khí hậu coat /kəut/ áo khoác, áo choàng cold (adj) /kəuld/ collect seashells /kə'lekt 'siɪʃelz/ cool (adj) /kuɪl/ mát corn (n) /kɔɪn/ ngô	possible	'posəbl/	càng tốt
beautiful (adj) /'bjuxtrf1/ dep beautifully (adv) /'bjuxtrf1/ tốt dep, dáng hài lòng blouse (n) /bauz/ áo cánh boat (n) /baut/ thuyển bridge (n) /bridʒ/ cây cẩu bring (v) /brɪŋ/ mang lại burger (n) /'bɜɪɡə/ bénh mì kẹp thịt bus (n) /bʌs/ xe buýt butter (n) /'bʌtə/ bo buy souvenirs /baɪ ˌsuɪvəˈnɪəz/ mua dổ luu niệm carrot (n) /'kærət/ cũ cà rốt cave (n) /keɪv/ hang, động character (n) /tʃɪɪz/ phó-mát Children's Day /tʃɪldrənz deɪ/ ngày Thiếu nhi choice (n) /tʃɔɪs/ sự lựa chọn climate (n) /'klaɪmət/ khí hậu coat /kəut/ áo khoác, áo choàng cold (adj) /kəuld/ lạnh collect seashells /kə'lekt 'siɪʃelz/ vỏ sò cool (adj) /kuɪl/ mát corn (n) /kɔɪn/ ngô	autumn (n)	/ˈsɪtəm/	mùa thu
beautifully (adv) /'bjuɪtɪfli/ tốt dẹp, dáng hài lòng blouse (n) /blauz/ áo cánh boat (n) /bəut/ thuyền bridge (n) /brɪdʒ/ cây cẩu bring (v) /brɪŋ/ mang lại burger (n) /'bɜɪgə/ bánh mì kẹp thịt bus (n) /bʌs/ xe buýt butter (n) /'bʌtə/ bo buy souvenirs /baɪ ˌsuɪvəˈnɪəz/ niệm carrot (n) /'kærət/ củ cà rốt cave (n) /keɪv/ hang, động character (n) /tʃiɪz/ phó-mát cheese (n) /tʃiɪz/ phó-mát Children's Day /tʃɪldrənz deɪ/ ngày Thiếu nhi choice (n) /tʃɔɪs/ sự lựa chọn climate (n) /kaumət/ khí hậu coat /kəut/ áo khoác, áo choàng cold (adj) /kəuld/ lạnh collect seashells /kə'lekt 'siɪʃelz/ vỏ sò cool (adj) /kuɪl/ mát corn (n) /kɔɪn/ ngô	bay (n)	/bei/	vịnh
blouse (n) /blauz/ áo cánh boat (n) /baut/ thuyền bridge (n) /bridʒ/ cây cẩu bring (v) /briŋ/ mang lại burger (n) /baiga/ bánh mì kẹp thịt bus (n) /bʌs/ xe buýt butter (n) /bʌta/ bo buy souvenirs /bai ˌsuivaˈniaz/ niệm carrot (n) /ˈkærət/ cũ cà rốt cave (n) /keiv/ hang, động character (n) /ˈkærəkta/ nhân vật cheese (n) /tʃiiz/ phó-mát Children's Day /ˈtʃildrənz dei/ ngày Thiếu nhi choice (n) /ˈtʃɔis/ sự lựa chọn climate (n) /ˈklaɪmət/ khí hậu coat /kaut/ áo khoác, áo choàng cold (adj) /kauld/ lạnh collect seashells /kail/ mát corn (n) /kɔɪn/ ngô	beautiful (adj)	/'bjuxtxfl/	đẹp
boat (n) /bəut/ thuyền bridge (n) /brɪdʒ/ cây cầu bring (v) /brɪŋ/ mang lại burger (n) /'bɜɪgə/ bánh mì kẹp thịt bus (n) /bʌs/ xe buýt butter (n) /'bʌtə/ bo buy souvenirs /baɪ ˌsuɪvə'nɪəz/ mua đổ luu niệm carrot (n) /'kærət/ cù cà rốt cave (n) /keɪv/ hang, động character (n) /'kærəktə/ nhân vật cheese (n) /tʃɪz/ phó-mát Children's Day /'tʃɪldrənz deɪ/ ngày Thiếu nhi choice (n) /tʃɔɪs/ sự lựa chọn climate (n) /'klaɪmət/ khí hậu coat /kəut/ áo khoác, áo choàng cold (adj) /kəuld/ lạnh collect seashells /kə'lekt 'siɪʃelz/ yổ số cool (adj) /kuɪl/ mát corn (n) /kɔɪn/ ngô	beautifully (adv)	/'bjuːtɪfli/	
bridge (n) /brɪdʒ/ cây cẩu bring (v) /brɪŋ/ mang lại burger (n) /'bɜɪgə/ bánh mì kẹp thịt bus (n) /bʌs/ xe buýt butter (n) /'bʌtə/ bo buy souvenirs /baɪ ˌsuɪvəˈnɪəz/ mua đổ luu niệm carrot (n) /'kærət/ cũ cà rốt cave (n) /keɪv/ hang, động character (n) /'kærəktə/ nhân vật cheese (n) /tʃiɪz/ phó-mát Children's Day /'tʃɪldrənz deɪ/ ngày Thiếu nhi choice (n) /tʃɔɪs/ sự lựa chọn climate (n) /'klaɪmət/ khí hậu coat /kəut/ áo khoác, áo choàng cold (adj) /kəuld/ lạnh collect seashells /kə'lekt 'siɪʃelz/ yổ sò cool (adj) /kuɪl/ mát com (n) /kɔɪn/ ngô	blouse (n)	/blauz/	áo cánh
bring (v) /brɪŋ/ mang lại burger (n) /'bɜɪgə/ bánh mì kẹp thịt bus (n) /bʌs/ xe buýt butter (n) /'bʌtə/ bo buy souvenirs /baɪ ˌsuɪvəˈnɪəz/ mua dô luu niệm carrot (n) /'kærət/ củ cà rốt cave (n) /keɪv/ hang, động character (n) /'kærəktə/ nhân vật cheese (n) /tʃiɪz/ phó-mát Children's Day /'tʃɪldrənz deɪ/ ngày Thiếu nhi choice (n) /tʃɔɪs/ sự lụa chọn climate (n) /'klaɪmət/ khí hậu coat /kəut/ áo khoác, áo choàng cold (adj) /kəuld/ lạnh collect seashells /kəˈlekt ˈsiɪʃelz/ yoʻ sò cool (adj) /kuɪl/ mát corn (n) /kɔɪn/ ngô	boat (n)	/baut/	thuyển
burger (n) /'bɜɪɡə/ bánh mì kẹp thịt bus (n) /bʌs/ xe buýt butter (n) /'bʌtə/ bo buy souvenirs /baɪˌsuɪvəˈnɪəz/ mua đổ luu niệm carrot (n) /'kærət/ củ cà rốt cave (n) /keɪv/ hang, động character (n) /'kærəktə/ nhần vật cheese (n) /tʃiɪz/ phó-mát Children's Day /'tʃɪldrənz deɪ/ ngày Thiếu nhi choice (n) /tʃɔɪs/ sự lựa chọn climate (n) /'klaɪmət/ khí hậu coat /kəʊt/ áo khoác, áo choàng cold (adj) /kəʊld/ lạnh collect seashells /kəˈlekt ˈsiɪʃelz/ yoʻ sò cool (adj) /kuɪl/ mát corn (n) /kɔɪn/ ngô	bridge (n)	/brid3/	cây cầu
burger (n) /basga/ kep thit bus (n) /bas/ xe buýt butter (n) /'bata/ bo buy souvenirs /bar ,surva'nraz/ mua dô luu niệm carrot (n) /'kærat/ củ cà rốt cave (n) /kerv/ hang, động character (n) /'kærakta/ nhân vật cheese (n) /tʃirz/ phó-mát Children's Day /'tʃɪldrənz deɪ/ ngày Thiếu nhi choice (n) /tʃɔrs/ sự lụa chọn climate (n) /'klarmat/ khí hậu coat /kaut/ áo khoác, áo choàng cold (adj) /kauld/ lạnh collect seashells /ka'lekt 'sirʃelz/ yổ sò cool (adj) /kurl/ mgô	bring (v)	/brin/	mang lại
butter (n) /'bʌtə/ bo buy souvenirs /baɪ ˌsuɪvəˈnɪəz/ mua dô luu niệm carrot (n) /'kærət/ cù cà rốt cave (n) /keɪv/ hang, động character (n) /'kærəktə/ nhân vật cheese (n) /tʃiɪz/ phó-mát Children's Day /'tʃɪldrənz deɪ/ ngày Thiếu nhi choice (n) /tʃɔɪs/ sự lụa chọn climate (n) /'klaɪmət/ khí hậu coat /kəʊt/ áo khoác, áo choàng cold (adj) /kəʊld/ lạnh collect seashells /kə'lekt 'siɪʃelz/ vỏ sò cool (adj) /kuɪl/ mát corn (n) /kɔɪn/ ngô	burger (n)	/ˈbɜɪgə/	
buy souvenirs /baɪ ˌsuɪvəˈnɪəz/ mua dô luu niệm carrot (n) /ˈkærət/ cù cà rốt cave (n) /keɪv/ hang, động character (n) /ˈkærəktə/ nhân vật cheese (n) /tʃiɪz/ phó-mát Children's Day /ˈtʃɪldrənz deɪ/ ngày Thiếu nhi choice (n) /tʃɔɪs/ sự lựa chọn climate (n) /ˈklaɪmət/ khí hậu coat /kəʊt/ áo khoác, áo choàng cold (adj) /kəʊld/ lạnh collect seashells /kəˈlekt ˈsiɪʃelz/ vỏ sò cool (adj) /kuɪl/ mát corn (n) /kɔɪn/ ngô	bus (n)	/bas/	xe buýt
carrot (n) /ˈkærət/ cu cà rốt cave (n) /keɪv/ hang, động character (n) /ˈkærəktə/ nhân vật cheese (n) /tʃiɪz/ phó-mát Children's Day /ˈtʃɪldrənz deɪ/ ngày Thiếu nhi choice (n) /tʃɔɪs/ sự lụa chọn climate (n) /ˈklaɪmət/ khí hậu coat /kəʊt/ áo khoác, áo choàng cold (adj) /kəʊld/ lạnh collect seashells /kəˈlekt ˈsiɪʃelz/ coot (adj) /kuɪl/ mát corn (n) /kɔɪn/ ngô	butter (n)	/'bʌtə/	bo
cave (n) /keɪv/ hang, dộng character (n) /'kærəktə/ nhân vật cheese (n) /tʃiɪz/ phó-mát Children's Day /'tʃɪldrənz deɪ/ ngày Thiếu nhi choice (n) /tʃɔɪs/ sự lựa chọn climate (n) /'klaɪmət/ khí hậu coat /kəʊt/ áo khoác, áo choàng cold (adj) /kəʊld/ lạnh collect seashells /kə'lekt 'siɪʃelz/ vỏ sò cool (adj) /kuɪl/ mát corn (n) /kɔɪn/ ngô	buy souvenirs	/bar ,survə'nrəz/	
character (n) /'kærəktə/ nhân vật cheese (n) /tʃiɪz/ phó-mát Children's Day /'tʃɪldrənz deɪ/ ngày Thiếu nhi choice (n) /tʃɔɪs/ sự lựa chọn climate (n) /'klaɪmət/ khí hậu coat /kəʊt/ áo khoác, áo choàng cold (adj) /kəʊld/ lạnh collect seashells /kə'lekt 'siɪʃelz/ seashells /kuɪl/ mát corn (n) /kɔɪn/ ngô	carrot (n)	/ˈkærət/	củ cà rốt
cheese (n) /tʃiɪz/ phó-mát Children's Day /'tʃɪldrənz deɪ/ ngày Thiếu nhi choice (n) /tʃɔɪs/ sự lựa chọn climate (n) /'klaɪmət/ khí hậu coat /kəʊt/ áo khoác, áo choàng cold (adj) /kəʊld/ lạnh collect seashells /kə'lekt 'siɪʃelz/ yỏ sò cool (adj) /kuɪl/ mát corn (n) /kɔɪn/ ngô	cave (n)	/keɪv/	hang, động
Children's Day /'tʃɪldrənz deɪ/ ngày Thiếu nhi choice (n) /tʃɔɪs/ sự lựa chọn climate (n) /'klaɪmət/ khí hậu áo khoác, áo choàng cold (adj) /kəʊld/ lạnh collect seashells /kə'lekt 'siɪʃelz/ sòò cool (adj) /kuɪl/ mát ngô	character (n)	/ˈkærəktə/	nhân vật
choice (n) /tʃɔɪs/ sự lựa chọn climate (n) /'klaɪmət/ khí hậu coat /kəʊt/ áo khoác, áo choàng cold (adj) /kəʊld/ lạnh collect seashells /kə'lekt 'siɪʃelz/ yỏ sò cool (adj) /kuɪl/ mát corn (n) /kɔɪn/ ngô	cheese (n)	/t∫iɪz/	phó-mát
coat /kəut/ áo khoác, áo choàng cold (adj) /kəuld/ lạnh collect seashells /kə'lekt 'siɪʃelz/ vò sò cool (adj) /kuɪl/ mát corn (n) /kɔɪn/ khí hậu áo khoác, áo khoác, áo choàng lạnh thu luọm, đi lấy vò sò collect nát yoù sò cool (adj) /kuɪl/ mát		/'t∫ıldrənz deı/	ngày Thiếu nhi
coat /kəut/ áo khoác, áo choàng cold (adj) /kəuld/ lạnh collect seashells /kə'lekt 'siɪʃelz/ vò sò cool (adj) /kuɪl/ mát corn (n) /kɔɪn/ ngô	The second secon	/t∫ois/	sự lựa chọn
coat /kəut/ áo choàng cold (adj) /kəuld/ lạnh collect seashells /kə'lekt 'siɪʃelz/ thu lượm, di lấy vỏ sò cool (adj) /kuɪl/ mát corn (n) /kɔɪn/ ngô	climate (n)	/'klaɪmət/	
collect seashells /kə'lekt 'siɪʃelz/ thu lượm, đi lấy vỏ sò cool (adj) /kuɪl/ mát corn (n) /kɔɪn/ ngô	coat	/kəut/	Service Servic
seashells /kəˈlekt ˈsiɪʃelz/ vò sò cool (adj) /kuɪl/ mát corn (n) /kɔɪn/ ngô	cold (adj)	/kəʊld/	lạnh
corn (n) /kɔɪn/ ngô		/kəˈlekt ˈsiːʃelz/	
	cool (adj)	/kuɪl/	mát
crow (n) /krəu/ con qua	corn (n)	/kɔɪn/	ngô
	crow (n)	/krəu/	con qua

dairy (n)	/'deəri/	bo sũa
decorate (v)	/'dekəreɪt/	trang trí
different (adj)	/'dɪfrənt/	khác biệt
do moming	/dur 'mɔɪnɪŋ	tập thể dục
exercise	'eksəsarz/	buổi sáng
do yoga	/duː ˈjəʊgə/	tập yoga
dragon (n)	/'drægən/	con rồng
dwarf(n)	/dworf/	chú lùn, người tí hon
eat seafood	/ixt 'sixfuxd/	ăn hải sản
eco-farm (n)	/irkəʊ farm/	trang trại sinh thái
every (det)	/'evri/	mỗi
exciting (adj)	/ik'saitiŋ/	hứng thú
explore (v)	/ɪk'splɔɪ/	khám phá
fantastic (adj)	/fæn'tæstɪk/	tuyệt vời
far (adv)	/far/	ха
fast (adv)	/farst/	nhanh
finish (n)	/ˈfɪnɪʃ/	vạch đích
fireworks	/'farəwsiks	sự trình diễn
show	Jau/	pháo hoa
flew away	/flur əˈwer/	(đã) bay đi
flower festival	/flauə festivl/	hội chọ hoa
forest (n)	/'forist/	rùng
fox (n)	/foks/	con cáo
fresh (adj)	/freʃ/	tuoi
Guarra ha	/Funna	(rau, trái cây)
	/frəm tə/	từ tới
	/gəʊ 'sʌmweə/	di dau dó
good luck	/gud lʌk/	sự may mản
grain (n)	/grein/	ngũ cốc
grasshopper (n)	/ˈgraɪshɒpə/	con châu chấu
hard (adv)	/haɪd/	chăm chí, siêng năng
hare (n)	/heə/	con thỏ
have a rest	/ˌhæv ə 'rest/	nghi ngoi
headache (n)	/'hedeɪk/	đau đầu
	PARTY STATES	khoẻ mạnh, có
healthy (adj)	/'helθi/	lợi cho sức khoẻ
hop-on hop- off bus	/hop on hop of bas/	xe buýt du lịch
hot (adj)	/hpt/	nóng
how often	/hau 'pfn/	bao lâu
hundred	/'hʌndrəd/	một trăm

intelligent (adj)	/ɪn'telɪdʒənt/	thông minh
island (n)	/'aɪlənd/	hòn đảo
jeans (n)	/dʒiɪnz/	quần bằng vài bông
join a club	/dspin ə 'klab/	tham gia câu lạc bộ
juice (n)	/dʒuɪs/	nước ép (của rau, quả)
jumper (n)	/'dʒʌmpə/	áo len cao cổ
kilometre (n)	/kɪˈlɒmɪtə/	ki lô mét
kind (adj)	/kaind/	tốt bụng
late (adv)	/leɪt/	muộn
lifestyle (n)	/'larfstarl/	lối sống, phong cách sống
lost (adj)	/lɒst/	lạc (đường)
main (adj)	/meɪn/	chính
make (v)	/meɪk/	làm
matter (n)	/'mætə/	vấn để
means of	/,mixnz əv	phương tiện
transport	'trænsport/	giao thông
medicine (n)	/'medisn/	thuốc
menu (n)	/'menjur/	thục đơn
Mid-Autumn Festival	/mɪd ˈɔɪtəm ˈfestɪvl/	Tết Trung thu
milk tea (n)	/,mɪlk 'tiː/	trà sữa
museum (n)	/mjuˈziɪəm/	bảo tàng
New Year	/ˌnjuɪ ˈjɪə/	năm mói
next (adj)	/nekst/	tiếp sau
on foot	/pn fut/	đi bộ (go on foot đi bộ)
once (adv)	/wans/	một lần
pagoda (n)	/pəˈgəʊdə/	chùa
pants (n)	/pænts/	quần vải
peaceful (adj)	/'pirsfl/	yên bình
peach blossom	/pirtf 'blosəm/	hoa dào
photo journal	/fautau ,dgsml/	nhật kí ảnh
pity (n)	/'pɪti/	diều đáng tiếc
pizza (n)	/ˈpiɪtsə/	bánh pít-za
plant trees	/,plaint 'triiz/	trống cây
play sports	/,plei 'sports/	chơi thể thao
pretty (adj)	/'prɪti/	đẹp
protein (n)	/'prəutiɪn/	prô-tê-in, chất đạm
race (n)	/reis/	cuộc đua
regularly (adv)	/'regjələli/	thường xuyên

rinse (v)	/rins/	súc (miệng)
river (n)	/ˈrɪvə/	dòng sông
rose (n)	/rəuz/	hoa hồng
salt water	/sorlt 'worte/	nước muối
sausage (n)	/'spsid3/	xúc xích
see (v)	/sit/	xem
		chậm chạp,
slow (adj)	/slau/	từ từ
Snow White (n)	/,snau 'wart/	Nàng Bạch Tuyết
shopping (n)	/' ʃ ɒpɪŋ/	mua sám
sore throat (n)	/sɔː 'θraut/	đau họng
special (adj)	/'spefl/	đặc biệt
Sports Day	/'sports der/	ngày Thể thao
spring (n)	/sprin/	mùa xuân
spring roll (n)	/ˌsprɪŋ 'rəʊl/	món nem rán
square (n)	/skweə/	quảng trường
stay healthy	/steɪ 'helθi/	giữ gìn sức khoẻ
stomach ache	Octomoli melo /	daubung
(n)	/'stxmək eɪk/	dau bụng
story (n)	/'sbɪri/	câu chuyện
strong (adj)	/stron/	giỏi, có tài
summer (n)	/'sʌmə/	mùa hè
sunbathe (v)	/'sanbeið/	tắm nắng
swimmer (n)	/'swɪmə/	người bơi lội
take a boat	/,terk ə 'bəut	đi du lịch
trip	trip/	bằng tàu thuỷ
take medicine	/,terk 'medisn/	uống thuốc
taxi (n)	/'tæksi/	xe tắc xi
Teachers' Day	/'tiɪtʃəz deɪ/	ngày Nhà giáo
times (pre)	/taɪmz/	lần
toothache (n)	/'tuɪθeɪk/	đau răng
tortoise (n)	/'tortes/	con rùa
twice (adv)	/twais/	hai lần
twin towers	/,twin 'tauəz/	toà tháp đôi
vegetable (n)	/'vedʒtəbl/	rau
walking streets	/workin striits/	phố đi bộ
warm (adj)	/wɔɪm/	ấm áp
waterfall (n)	/lɪcʔetɪcw'\	thác nước
wear (v)	/weə/	mặc, đeo, đội
well (adv)	/wel/	giỏi
win (v)	/win/	chiến thắng
winter (n)	/ˈwɪntə/	mùa đông
work (v)	/wsik/	làm việc
yogurt (n)	/ˈjɒgət/	sữa chua

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm on các tác giả có tác phẩm, tư liệu được xử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHAM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: LÊ THỊ HUỆ - VŨ THỊ LAI - LÊ NGUYỄN HOÀI NGÂN -

NGUYỄN THỊ HỐNG HÀ - LÊ KHÁNH TÙNG

Biên tập mĩ thuật: NGUYỀN BÍCH LA Thiết kế sách: THÁI THANH VÂN Trình bày bia: NGUYỄN VIỆT HẢ

Minh hoạ: LÊ MẠNH CƯỜNG - NGUYỄN THỊ THANH VẪN

NGUYĚN THỊ NGỌC THUỶ - NGUYỄN HÒNG QUÂN

Sửa bản in: TRẦN THU HÀ

Chế bản: CÔNG TY CÓ PHẦN MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Sách được biên soạn, biên tập, thiết kế với sự cộng tác của Nhà xuất bản Macmillan (MPC) và các biên tập viên Ken Wilson, Cauvis Fung và Ivy Wang.

© Vietnam Education Publishing House (VEPH) & Macmillan (MPC), 2023

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Nhà xuất bản Macmillan (MPC).

TIẾNG ANH 5 – GLOBAL SUCCESS – SÁCH HỌC SINH, TẬP HAI Mã số:

In ... bản, (QĐ ...) khổ 20 x 28 cm.

Đơn vị in: ... Địa chỉ: ...

Số ĐKXB: /CXBIPH/ /GD.

Số QĐXB: .../QĐ - GD - HN ngày ... tháng ... năm

In xong và nộp lưu chiều tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-Tập hai: 978-604-0-













TÀI NGUYÊN HỖ TRƠ DAY - HOC SGK TIẾNG ANH - GLOBAL SUCCESS

www.hoclieu.vn

- 1. Sách bài tập
- 2. Sách giáo viên
- 3. Giáo án minh hoa
- 4. Bài giảng điện tử
- 5. Audio (SHS, SBT, để kiểm tra)
- 6. Tranh tình huống
- 7. Bộ quân rối
- 8. Thẻ từ

- 9. Sách mềm SHS, SBT (phiên bản dành cho giáo viên)
- 10. Sách mềm SHS, SBT (phiên bản dành cho học sinh)
- 11. Kế hoạch day học
- 12. Video tiết dạy minh hoạ
- 13. Video hướng dẫn phát âm
- 14. Ngàn hàng để kiểm tra
- 15. Học liệu thông minh
- 16. Tài liệu mở rộng

Các đơn vị đầu mối phát hành:

*Miền Bắc: CTCP Đấu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Toà nhà văn phòng HEID, ngô 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

*Miến Trung: CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, Hải Châu 1, Hải Châu, Đà Nẵng

*Miến Nam: CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, P.4, Quân 5, TP. Hồ Chí Minh

Sách điện tử: https://hanhtrangso.nxbgd.vn

https://hoclieu.vn

Điện thoại: 024 3512 3939

Điển thoai: 023 6388 9954

Điển thoai: 028 7303 5556

